Signature Not Verified
Thời gian ký: 02/02/2016 04:54:36 PM

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 85 /2016/QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 29 tháng 01 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang tại Tờ trình số 01/TTr-SNN ngày 14 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định phân công, phân cấp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Trưởng phòng Kinh tế thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh, các Đoàn thể nhân dân;
- Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh
  + LĐVP, THCB, TKCT, các phòng CV;
  + Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85 /2016/QĐ - UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân công, phân cấp và mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý, cơ quan kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, kinh doanh: vật tư nông nghiệp; sản phẩm nông lâm thủy sản; muối; nước sinh hoạt nông thôn; nước đá phục vụ bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm; dụng cụ bao gói chứa đựng thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Nguyên tắc phân công, phân cấp

1. Sự phân công, phân cấp phải được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự kiểm tra bởi một cơ quan kiểm tra theo phân công, phân cấp đảm bảo không chồng chéo, bỏ sót.

3. Trong kiểm tra thực hiện tốt việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan kiểm tra từ lập kế hoạch đến thực hiện và kết quả kiểm tra để biết và phối hợp.

Điều 4. Nội dung phân công, phân cấp, phối hợp

1. Rà soát, xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản để phân công, phân cấp cho các cơ quan kiểm tra.

2. Nội dung phân công, phân cấp, phối hợp của các đơn vị được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này.

Điều 5. Hình thức kiểm tra, phối hợp

1. Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra theo hướng dẫn tại khoản 1 điều 14 Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Trường hợp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng vật tư nông nghiệp và thực phẩm nông lâm thủy sản, Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì có trách nhiệm thông báo tới các cơ quan phối hợp có liên quan (cơ quan quản lý sản phẩm, ngành hàng sản xuất, kinh doanh trong cơ sở đó, nhưng không được giao chủ trì) đề nghị cử người tham gia Đoàn kiểm tra; cơ quan được đề nghị phối hợp có trách nhiệm cử người tham gia Đoàn kiểm tra.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Trách nhiệm kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp

1. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị trực thuộc Sở kiểm tra các cơ sở do UBND tỉnh/Ban Quản lý khu công nghiệp cấp chứng nhận đầu tư, cơ sở có đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, cơ sở do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp đóng trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Chi cục Chăn nuôi và Thú y chủ trì thực hiện kiểm tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; thức ăn thành phẩm dùng cho động vật trên cạn; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi; thuốc thú y; nguyên liệu làm thuốc thú y; chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y (bao gồm cả thủy sản); cơ sở sản xuất, kinh doanh tổng hợp thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; cơ sở kinh doanh thuốc thú y và sản xuất, kinh doanh các mặt hàng khác thuộc ngành nông nghiệp quản lý;

b) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì thực hiện kiểm tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp (bao gồm cả cây ăn quả); phân bón (đối tượng quản lý của ngành Nông nghiệp); nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật; kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; nguyên liệu làm thuốc bảo vệ thực vật; kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và sản xuất, kinh doanh các mặt hàng khác thuộc ngành nông nghiệp quản lý; Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp và lâm nghiệp;

c) Chi cục Thủy sản: Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật dưới nước; thức ăn thành phẩm dùng trong nuôi trồng thủy sản; sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản;

d) Chi cục Thủy lợi: Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn;

đ) Chi cục Kiểm lâm: Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp;

e) Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia, hóa chất dùng trong chế biến, bảo quản; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng vật tư nông nghiệp không xác định được cơ quan chủ trì.

2. Giao cho UBND các huyện, thành phố, cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện/thành phố/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp có đăng ký doanh nghiệp do UBND huyện/thành phố cấp, cụ thể:

a) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế huyện, thành phố chủ trì kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ cơ sở chuyên kinh doanh thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; cơ sở kinh doanh thuốc thú y hoặc thuốc bảo vệ thực vật với các nhóm ngành hàng khác);

b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra cơ sở kinh doanh thuốc thú y hoặc thuốc thú y với các loại vật tư, sản phẩm thuộc ngành nông nghiệp quản lý;

c) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra cơ sở kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật hoặc cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật với các loại vật tư, sản phẩm thuộc ngành nông nghiệp quản lý.

3. Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp nhỏ lẻ đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn: do UBND xã, phường, thị trấn quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; quản lý sản xuất nông sản thực phẩm ban đầu nhỏ lẻ

1. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị trực thuộc Sở kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm các cơ sở do UBND tỉnh/Ban Quản lý Khu công nghiệp cấp chứng nhận đầu tư, cơ sở do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký doanh nghiệp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp, cụ thể:

a) Chi cục Chăn nuôi và Thú y chủ trì kiểm tra, chứng nhận: Cơ sở chăn nuôi; giết mổ, sơ chế; lưu thông, tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đấu giá, cơ sở chuyên kinh doanh, phương tiện vận chuyển độc lập); cơ sở chăn nuôi kết hợp nuôi trồng thủy sản, trồng cây nông, lâm nghiệp;

b) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì kiểm tra, chứng nhận: Cơ sở trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế gắn liền với cơ sở trồng trọt);

c) Chi cục Thủy sản kiểm tra, chứng nhận: Cơ sở chuyên canh nuôi trồng thủy sản;

d) Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản kiểm tra, chứng nhận: Cơ sở sơ chế, chế biến nông sản (sản phẩm có nguồn gốc động, thực vật), thủy sản độc lập; cơ sở kinh doanh thủy sản (chợ đầu mối, chợ đấu giá, cơ sở chuyên kinh doanh, phương tiện vận chuyển độc lập); cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ muối ăn trong nước; kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản; cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản gắn liền với sản xuất vật liệu bao gói; nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều lĩnh vực, nhóm sản phẩm không xác định được cơ quan chủ trì.

2. Giao cho UBND các huyện, thành phố phân công các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, thành phố kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh

doanh có đăng ký doanh nghiệp do UBND huyện, thành phố cấp, các trang trại, cụ thể: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế huyện, thành phố chủ trì kiểm tra, chứng nhận.

3. Cơ sở không có đăng ký doanh nghiệp, chứng nhận trang trại; cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ đóng trên địa bàn xã/phường/thị trấn: do UBND xã/phường/thị trấn tổ chức thực hiện ký cam kết.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Cơ quan được giao trách nhiệm kiểm tra, chứng nhận

1. Tổ chức rà soát, thống kê; kiểm tra, đánh giá xếp loại A,B,C; kiểm tra định kỳ, đột xuất; xử lý vi phạm các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo phân công, phân cấp.

2. Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo phân công, phân cấp và các quy định của pháp luật.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra các cấp theo lĩnh vực được phân công.

4. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi được phân công quản lý trên địa bàn.

5. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, kiểm tra, chứng nhận của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi được phân công quản lý theo quy định.

6. Định kỳ ngày 10 hàng tháng; ngày 10 tháng cuối cùng của quý, 6 tháng đầu năm, cả năm các cơ quan kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo. Trường hợp cần thiết, báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Điều 9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

2. Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

3. Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Tổng hợp, kiểm tra, báo cáo theo quy định công tác kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Các sở, ngành liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cung cấp danh sách các cơ sở có đăng ký, đăng ký mới, dừng hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thuỷ sản do ngành nông nghiệp quản lý cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ vào ngày 15/5 và 15/12 hàng năm để thống kê, rà soát phục vụ kiểm tra tại cơ sở.

2. Sở Tài chính: Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động kiểm tra trong dự toán ngân sách giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố hàng năm.

3. Các sở, ngành: Y tế, Công thương, Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn triển khai đồng bộ các giải pháp công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, quản lý sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. UBND các huyện, thành phố

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Bố trí cân đối đủ kinh phí, cán bộ cho cơ quan được phân công nhiệm vụ kiểm tra, cơ quan quản lý sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc cấp mình quản lý theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh.

3. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện của cơ quan được giao kiểm tra thuộc huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn.

4. Tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất theo quy định.

Điều 12. UBND xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Tổ chức quản lý chặt chẽ cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp nhỏ lẻ trên địa bàn.

3. Phổ biến, tuyên truyền nội dung ký cam kết đến cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ký cam kết với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, báo cáo UBND huyện theo quy định.

4. Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo kế hoạch đã ban hành, xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thái